

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../20.../QH...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Dự thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT

CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều... Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động công nghiệp công nghệ số và bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam

Điều... Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ số tại Việt Nam

Điều... Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ thông tin: là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số

2. Công nghệ số: là công nghệ thông tin có sự bổ sung, tích hợp thêm các công nghệ mới bao gồm nhưng không giới hạn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, internet kết nối vạn vật (IoT), kết nối mạng băng rộng (5G, sau 5G), dữ liệu lớn (Bigdata), điện toán đám mây (Cloud Computing), thực tại ảo (VR), thực tại tăng cường (AR), thực tại trộn (MR)

3. Công nghiệp công nghệ số là ngành kinh tế sáng tạo, thiết kế, phát triển, chế tạo, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

4. Điện toán đám mây: là mô hình cho phép thực hiện truy cập mạng tùy theo yêu cầu vào một nhóm tài nguyên máy tính do tổ chức, cá nhân cung cấp và có thể tùy chỉnh cấu hình được như mạng, máy chủ, khả năng lưu trữ, ứng dụng và dịch vụ

5. Trí tuệ nhân tạo:

6. Internet vạn vật:

7. Chuỗi khối:

8. Dữ liệu lớn:

9. Số cái phân tán:

...

Điều... Nguyên tắc chung trong hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Hoạt động công nghiệp công nghệ số phải tuân thủ các cam kết quốc tế về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin...

2. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động công nghiệp công nghệ số được Nhà nước khuyến khích và bảo đảm thực hiện

...

Điều... Chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Phát triển hoạt động công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Thúc đẩy sự phát triển

3. Quản lý hạn chế rủi ro công nghệ, rủi ro tài chính, bảo đảm an ninh, an toàn

4. Làm chủ công nghệ lõi

...

Điều... Chiến lược, Chương trình, Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia theo giai đoạn

2. Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số theo giai đoạn

3. Nội dung Chiến lược, Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số

a) Định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành

b) Các nội dung giải pháp triển khai định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành

c) Nguồn lực tổ chức thực hiện

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện

...

4. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược, Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số

Điều... Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Cản trở hoạt động công nghiệp công nghệ số của tổ chức, cá nhân bất hợp pháp

2. Cung cấp trao đổi, chia sẻ dữ liệu công nghiệp công nghệ số vi phạm các quy định liên quan theo quy định của pháp luật về an ninh mạng và an toàn thông tin

3. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

...

Chương II

HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều... Loại hình công nghiệp công nghệ số

1. Hoạt động công nghiệp phần cứng

a) Công nghiệp phần cứng là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông

b) Sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông bao gồm:

...

2. Hoạt động công nghiệp phần mềm

a) Hoạt động công nghiệp phần mềm là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối sản phẩm phần mềm

b) Sản phẩm phần mềm bao gồm:

...

3. Hoạt động công nghiệp nội dung số

a) Hoạt động công nghiệp nội dung số là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, kinh doanh, buôn bán, phân phối sản phẩm nội dung số

b) Sản phẩm nội dung số bao gồm:

...

4. Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới

Hoạt động công nghiệp công nghệ số mới là các hoạt động sáng tạo, thiết kế, sản xuất, ứng dụng, kinh doanh, buôn bán, phân phối các sản phẩm trên nền tảng các công nghệ số mới như AI, IoT, Big Data, Blockchain... (ví dụ: sản phẩm ứng dụng công nghệ AI; thiết bị IoT; sản phẩm được tạo ra, phát hành và chuyển giao bằng công nghệ số cái phân tán, chuỗi khối,...)

...

5. Hoạt động dịch vụ công nghệ số

a) Hoạt động dịch vụ công nghệ số là các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ công nghệ số

b) Dịch vụ công nghệ số bao gồm dịch vụ phần cứng, dịch vụ phần mềm, dịch vụ nội dung số,...

...

6. Hoạt động công nghiệp công nghệ số khác

7. Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết danh mục các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số

...

Điều... Phát triển sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước

1. Sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước¹ là sản phẩm công nghệ số đạt được tối thiểu một trong các điều kiện sau đây:

a) Sản phẩm được sáng tạo, thiết kế tại Việt Nam;

b) Sản phẩm được tích hợp, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam;

c) Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam.

¹ Make In Viet Nam

2. Quy định về Danh mục sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam phát triển các sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; quy định về phương thức xác định sản phẩm sản xuất trong nước

Điều.. Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ mới hình thành từ ứng dụng công nghệ số

1. Quy định cơ quan đầu mối, cơ chế điều phối, tổ chức xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới (cấp phép/cho phép thử nghiệm/thí điểm hoặc các trường hợp ngoại lệ...)

2. Quy định phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành, địa phương trong việc xác định các biện pháp quản lý và xử lý các đề xuất về nghiên cứu phát triển, triển khai sản phẩm, dịch vụ mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành

3. Quy định các biện pháp hỗ trợ, chính sách ưu đãi,... phát triển sản phẩm, dịch vụ mới

4. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này.

...

Điều.. Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

1. Quy định chung về quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số mới

Quy định về việc phân loại; trách nhiệm của các cơ quan quản lý liên quan; hướng dẫn, thiết lập các quy tắc quản lý hoạt động kinh doanh

2. Sản phẩm trí tuệ nhân tạo

(Quy định về việc các sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo khi đưa ra thị trường cần được đánh giá để tạo niềm tin, bảo đảm kiểm soát những rủi ro và các tác động tiêu cực)

a) Khái niệm sản phẩm trí tuệ nhân tạo

b) Ban hành danh mục hệ thống/sản phẩm trí tuệ nhân tạo rủi ro cao theo từng lĩnh vực để có các quy định kiểm soát các vấn đề rủi ro, đảm bảo độ tin cậy²

² EU: Dự thảo bộ luật AI đặt ra các giới hạn xung quanh việc sử dụng TTNT trong một loạt các hoạt động, từ ô tô tự lái đến các quyết định tuyển dụng nhân sự, cho vay ngân hàng, tuyển sinh, chấm điểm các kỳ thi và việc sử dụng TTNT trong hệ thống hành pháp và tòa án – những lĩnh vực được coi là “rủi ro cao” bởi chúng có thể đe dọa đến sự an toàn hoặc các quyền cơ bản của mọi người. Một số ứng dụng sẽ bị cấm hoàn toàn, bao gồm nhận diện khuôn mặt trực tiếp tại nơi công cộng, mặc dù có một số trường hợp ngoại lệ vì an ninh quốc gia và các mục đích khác

c) Quy định về quản lý, đánh giá, thử nghiệm³

d) Yêu cầu đối với sản phẩm trí tuệ nhân tạo (công nghệ, kỹ thuật, tính năng; tác động về kinh tế xã hội; cách thức đánh giá; môi trường thử nghiệm; bộ dữ liệu mẫu;...)

đ) Cung cấp, sử dụng sản phẩm trí tuệ nhân tạo⁴

...

Điều.. Quản lý sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

1. Quy định về tiêu chí xác định, danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

2. Quy định việc mua bán, xuất khẩu, chuyển giao sản phẩm trọng yếu

3. Quy định về cơ chế quản lý nhân lực, tổ chức tham gia quản lý, cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu

4. Quy định về trách nhiệm quản lý

...

Chương III

BẢO ĐẢM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Mục 1

THỊ TRƯỜNG CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Điều.. Thương hiệu ngành, thương hiệu sản phẩm công nghệ số

1. Quy định quản lý, tiêu chí thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam

³ Các hệ thống TTNT hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên, các vấn đề về niềm tin, đạo đức và xã hội cần phải được cân nhắc xuất phát từ lĩnh vực ứng dụng, yêu cầu kinh doanh, các quy định pháp luật, người tiêu dùng, người dùng cuối... Hệ thống trí tuệ nhân tạo cần đảm bảo độ tin cậy, công bằng và minh bạch. Do đó, sản phẩm, dịch vụ TTNT cần được đánh giá theo các tiêu chí (chất lượng dữ liệu, thiết kế, thành phần hệ thống TTNT, mô hình hệ thống...) để có thể giảm thiểu các lỗ hổng của hệ thống TTNT và cải thiện mức độ đáng tin cậy của hệ thống TTNT.

⁴ Để thúc đẩy, phát triển và tạo niềm tin sử dụng sản phẩm TTNT trong nhà nước và xã hội cần ban hành khung hướng dẫn cung cấp, sử dụng sản phẩm TTNT. Khung hướng dẫn sẽ đưa ra những quy tắc cơ bản cần giải quyết khi mua sắm và triển khai các giải pháp và dịch vụ TTNT. Các quy tắc này sẽ giúp đơn vị sử dụng phát triển các yêu cầu cho hệ thống TTNT và quản lý quy trình mua sắm, doanh nghiệp cung cấp các giải pháp TTNT hiểu rõ hơn những yêu cầu dự án TTNT để điều chỉnh các đề xuất phù hợp với các tiêu chí mua sắm. Các tiêu chí đánh giá rủi ro hệ thống TTNT như: Dữ liệu (chất lượng dữ liệu – data quality, độ nhạy cảm của dữ liệu - data sensitivity, đồng thuận dữ liệu - data consent); Lĩnh vực ứng dụng; Tác động kinh tế xã hội, phạm vi tác động; Tác động hệ thống TTNT lên các quy trình, người lao động (tác động lên các chức năng chính, mất việc làm...)

2. Kế hoạch phát triển, quảng bá thương hiệu

3. Quy định việc sử dụng thương hiệu ngành công nghệ số, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong nước (quy chế, gắn thương hiệu với chất lượng sản phẩm, hỗ trợ sản phẩm đạt thương hiệu,...)

...

Điều.. Hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số

1. Quy định quản lý, hướng dẫn các hoạt động hợp tác, liên kết hình thành hệ sinh thái phát triển doanh nghiệp công nghệ số; các biện pháp hỗ trợ thúc đẩy; xây dựng và phát triển sàn giao dịch công nghệ số; các doanh nghiệp công nghệ số được phép tiếp cận, huy động vốn thông qua các hoạt động chào bán các loại tài sản số

2. Quy định về việc chia sẻ, kết nối các nền tảng trong hệ sinh thái phát triển công nghệ số

...

Điều.. Đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong các cơ quan nhà nước

1. Quy định Danh mục các sản phẩm, dịch vụ công nghệ chuyên ngành ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số sản xuất trong nước bảo đảm chất lượng theo quy định của cơ quan chuyên ngành

2. Quy định các biện pháp tạo thị trường mua sắm Chính phủ nhằm tạo thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số phát triển (đồng nhất với các cam kết quốc tế)

...

Mục 2

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ SỐ

Điều.. Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia

1. Quy định ban hành, cập nhật Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia (kỹ năng cơ bản, kỹ năng nâng cao, các loại hình đào tạo)

2. Công nhận các chương trình đào tạo của các tổ chức trong và ngoài nước phù hợp với Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia

3. Quy định về việc quản lý, kiểm tra và cấp văn bằng, chứng chỉ kỹ năng công nghệ số

...

Điều.. Đào tạo thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp

1. Quy định về thời gian và nội dung đào tạo thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp

2. Quy định việc công nhận tương đương giữa kết quả thực tập/làm việc/tham gia các dự án phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số tại doanh nghiệp (ngoài chương trình bắt buộc) với tín chỉ trong chương trình đào tạo công nghệ số của cơ sở đào tạo

...

Điều.. Thu hút nhân lực công nghệ số xuất sắc trong nước và nước ngoài

Điều này quy định những kỹ năng công nghệ số cần thu hút nhân lực theo giai đoạn; các biện pháp, tiêu chí thu hút nhân lực công nghệ số trong nước và nước ngoài; trách nhiệm quản lý,...

Mục 3**VỐN, ĐẦU TƯ, ƯU ĐÃI CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ****Điều.. Ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số**

1. Quy định nguyên tắc chi, nhiệm vụ, loại chi trong ngân sách nhà nước cho công nghiệp công nghệ số

2. Quy định về việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước cho các hoạt động công nghiệp công nghệ số

3. Quy định về việc sử dụng Quỹ bảo vệ tài nguyên môi trường Việt Nam trong việc thu hồi, tái chế, tái tạo, tái đầu tư vào tân trang, phát triển các sản phẩm công nghệ số, đầu tư nghiên cứu sản phẩm công nghệ số xanh, sạch,...

...

Điều.. Quy định về chính sách ưu đãi công nghiệp công nghệ số

Quy định về trách nhiệm quản lý; đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi (loại hình hoạt động, tiêu chí xác định, danh mục,...) để bảo đảm ưu đãi trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ; các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm (khái niệm, tiêu chí, danh mục, ngân sách bảo đảm đầu tư, hình thức hỗ trợ đầu tư,...)

Mục 4

NGHIÊN CỨU - PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SỐ

Điều... Khuyến khích nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số

1. Quy định về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số

2. Quy định các hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển công nghiệp công nghệ số cần thúc đẩy, hạn chế, cấm

...

Điều...Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về công nghiệp công nghệ số

Quy định việc xây dựng và triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về công nghiệp công nghệ số

...

Điều... Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp công nghệ số

Các sản phẩm công nghệ số được bảo vệ sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ

Mục 5

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ

Điều... Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

(Điều này quy định về biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu).

1. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được quản lý thông qua các hình thức sau đây:

- a) Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
- b) Công bố phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
- c) Kiểm định chất lượng

...

2. Cơ chế quản lý sản phẩm công nghệ số trọng yếu

...

Điều... Tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghiệp công nghệ số

1. Việc quản lý tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số được thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, công bố tiêu chuẩn cơ sở và phải bảo đảm sản phẩm, dịch vụ của mình phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố

3. Bộ Thông tin và Truyền thông công bố sản phẩm, dịch vụ công nghệ số cần áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế; ban hành và công bố áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; quy định cụ thể về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; quy định các điều kiện đối với cơ quan đo kiểm trong nước và nước ngoài để phục vụ cho việc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và công bố cơ quan đo kiểm về công nghệ số có thẩm quyền

4. Việc thừa nhận lẫn nhau về đánh giá phù hợp tiêu chuẩn đối với sản phẩm công nghệ số giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nước ngoài và với tổ chức quốc tế được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

...

Mục 6

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM KHÁC

Điều. .. Quản lý thông tin về công nghiệp công nghệ số

1. Quản lý toàn diện thông tin tổng thể công nghiệp công nghệ số

2. Xây dựng và vận hành nền tảng/hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số; về kiểm soát chất lượng sản phẩm công nghệ số;...

3. Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động công nghiệp công nghệ số cung cấp dữ liệu về tình hình sản xuất kinh doanh công nghệ số

4. Quy định về cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghiệp công nghệ số vận hành nền tảng/hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số

5. Quy định về việc thông báo lĩnh vực hoạt động mới của doanh nghiệp công nghệ số trên hệ thống quản lý tổng thể thông tin về công nghiệp công nghệ số

...

Điều.. Hợp tác quốc tế

Quy định việc tham gia các tổ chức quốc tế; hợp tác chuyên giao công nghệ số; đưa sản phẩm công nghệ số ra nước ngoài, thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu và phát triển quốc tế

Điều.. Thâm nhập thị trường nước ngoài

Quy định về kinh doanh sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; quy định phạm vi, tiêu chuẩn tham gia các Thỏa thuận hoặc Hiệp định kinh doanh Kỹ thuật số tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại sản phẩm công nghệ số xuyên biên giới; nền tảng ghi nhận hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm công nghệ số

Chương IV**PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ**

(Dữ liệu số là tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp công nghệ số và sẽ trở thành một ngành công nghiệp tiềm năng (công nghiệp dữ liệu). Do đó cần có cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển, phân loại, đánh giá, quản lý, giao dịch, sử dụng, tái sử dụng hợp pháp dữ liệu số; ...)

Điều.. Khái niệm dữ liệu số

Dữ liệu số là dữ liệu, thông tin được thể hiện dưới dạng số hóa được lưu trữ trong các hệ thống máy tính, truyền đưa thông qua môi trường mạng

Điều.. Phân loại dữ liệu số

1. Phân loại chung (phân loại theo các nhóm Dữ liệu công khai/ Dữ liệu nội bộ/ Dữ liệu bí mật/ Dữ liệu hạn chế)
2. Chính phủ quy định chi tiết về phân loại dữ liệu số

Điều.. Quy định đảm bảo an toàn dữ liệu số

1. An toàn dữ liệu số trong cơ quan nhà nước
2. An toàn dữ liệu số trong tổ chức, doanh nghiệp

...

Điều.. Quản lý sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan, tổ chức

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan, tổ chức

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân

a) Về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân

b) Về cung cấp dữ liệu của tổ chức, cá nhân cho cơ quan nhà nước

3. Chính phủ quy định chi tiết về yêu cầu kỹ thuật, cơ chế tài chính, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan tham gia quản lý, sử dụng, kết nối, khi chia sẻ dữ liệu trong cơ quan, tổ chức khi cần thiết.

...

Điều.. Đảm bảo công bằng, cạnh tranh trong tiếp cận dữ liệu số

1. Nghĩa vụ về minh bạch dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số. Quyền sở hữu và sử dụng dữ liệu phi cá nhân. (Điều khoản hoặc công khai)

2. Quy định chống độc quyền dữ liệu số (trong chia sẻ hoặc trong các dịch vụ điện toán đám mây...)

3. Quy định về hợp đồng mẫu về dữ liệu số

...

Điều.. Quy định về thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số của dịch vụ xuyên biên giới

1. Quy định về đăng ký luồng dữ liệu xuyên biên giới.

2. Quy định về việc thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu

3. Quy định về việc đặt dữ liệu số và chuyển dữ liệu

4. Quy định nghĩa vụ cung cấp, minh bạch và phản hồi về dữ liệu thu thập tại Việt Nam.

5. Chính phủ quy định chi tiết về thu thập, sử dụng và kinh doanh dữ liệu số của dịch vụ xuyên biên giới

Điều.. Chính sách ưu tiên phát triển dữ liệu số

1. Ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan nhà nước

2. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân kết nối, sử dụng và chia sẻ dữ liệu số với chính phủ nhằm phục vụ lợi ích công cộng

3. Ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách nhà nước phát triển cơ sở dữ liệu, nền tảng, doanh nghiệp và nguồn nhân lực dữ liệu số trong một số ngành thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế số, an ninh quốc phòng

...

Chương V

KHU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP TRUNG

Điều.. Mô hình, tiêu chí khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quy định khái niệm, mô hình khu CNTT tập trung, mô hình chuỗi khu CNTT tập trung (chuỗi công viên phần mềm), mô hình “cụm” công nghiệp công nghệ số

2. Các tiêu chí khu CNTT tập trung: diện tích, nhân lực, quy hoạch phân khu, chỉ tiêu xây dựng

...

Điều.. Quy hoạch phát triển khu công nghệ thông tin tập trung trên cả nước

Quy định về phương án quy hoạch khu CNTT tập trung trong quy hoạch chung của Vùng và quy hoạch chung của tỉnh/thành phố

...

Điều.. Quy trình đầu tư thành lập, mở rộng khu công nghệ thông tin tập trung

1. Điều kiện thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung

2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư thành lập khu CNTT tập trung trên cơ sở thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông

3. Chính phủ hướng dẫn quy định chi tiết về trình tự, thủ tục hồ sơ về thành lập, mở rộng, công nhận khu CNTT tập trung

...

Điều.. Chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ thông tin tập trung

1. Quy định chính sách ưu đãi áp dụng đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

2. Quy định chính sách ưu đãi đối với hoạt động công nghệ thông tin trong khu CNTT tập trung

...

Điều.. Quản lý đất đai và quy hoạch xây dựng

1. Chính sách đất đai đối với khu CNTT tập trung

2. Quy định các nội dung về quy hoạch xây dựng đối với các hoạt động đầu tư trong khu CNTT tập trung

...

Điều... Tổ chức quản lý vận hành khu công nghệ thông tin tập trung

Quy định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị quản lý vận hành khu CNTT tập trung

...

Chương VI

**PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU, TRUNG TÂM TÍNH TOÁN
HIỆU NĂNG CAO**

Mục 1

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Điều... Đầu tư, phát triển trung tâm dữ liệu

(Quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, khuyến khích đầu tư, đặc biệt là khối doanh nghiệp tư nhân để có các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và cạnh tranh với các nhà cung cấp xuyên biên giới)

1. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng một số trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng, vận hành trung tâm dữ liệu đáp ứng đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, về sở hữu trung tâm dữ liệu và đáp ứng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia nhằm hướng tới các trung tâm dữ liệu xanh, an toàn an ninh thông tin

3. Có chính sách ưu đãi về thiết lập đầu tư, vận hành (điện, viễn thông, sử dụng thiết bị sản xuất trong nước,...) đối với hoạt động đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu

Điều... Biện pháp đảm bảo phát triển trung tâm dữ liệu

Điều này quy định về các biện pháp bảo đảm để phát triển trung tâm dữ liệu như quy hoạch, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng thông tin cùng các thiết bị phụ trợ

Điều.. Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trung tâm dữ liệu

Nhà nước có cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu tiên đầu tư trung tâm dữ liệu nhưng việc đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu cần đảm bảo đáp ứng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn quốc gia nhằm hướng tới các trung tâm dữ liệu xanh, sạch, an toàn và bảo mật.

...

Mục 2

PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM TÍNH TOÁN HIỆU NĂNG CAO

Điều.. Đầu tư phát triển các trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định mô hình đầu tư phát triển máy tính hiệu năng cao (HPC), máy tính lượng tử theo hình thức PPP tại Việt Nam

...

Điều.. Quy định về kết nối, chia sẻ năng lực của các trung tâm tính toán hiệu năng cao

Quy định kết nối, chia sẻ năng lực của các hệ thống trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

...

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều.. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số
2. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - a) Ban hành hoặc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn, tiêu chí kỹ thuật quốc gia về công nghiệp công nghệ số
 - b) Thẩm định, đánh giá, công nhận, chứng nhận, giám sát,... hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số
 - c) Tổ chức quản lý và thúc đẩy phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao

d) Ban hành Khung kỹ năng công nghệ số quốc gia, cấp chứng chỉ, công nhận tương đương về chương trình, chuẩn kỹ năng công nghệ số

đ) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ số

e) Thực hiện quản lý chất lượng đối với sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số

g) Quản lý và thực hiện hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số

h) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về công nghiệp công nghệ số

i) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và doanh nghiệp có liên quan trong quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công nghiệp công nghệ số

l) Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Chính phủ về hoạt động công nghiệp công nghệ số

...

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Thông tin và Truyền thông

...

Điều. .. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động công nghiệp công nghệ số

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

3. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quản lý các hoạt động công nghiệp công nghệ số

...

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều... Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...
2. Các Điều, Khoản ... trong Luật Công nghệ thông tin số .../20.../QH... hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều... Quy định chuyển tiếp

1.(9).....

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Họ và tên)